

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGÔ THỊ XUÂN THU

**CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BẢO CHỨA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆTNAM - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà**

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI

BÀO CHỮA 7

1.1. NHỮNG NHẬN THỨC CƠ BẢN VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA 7

1.1.1. Khái niệm chế định người bào chữa 7

1.1.2. Chủ thể bào chữa 10

1.1.3. Đối tượng bào chữa 16

1.2. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA NGƯỜI BÀO CHỮA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ 19

1.2.1. Vị trí của người bào chữa 19

1.2.2. Vai trò của người bào chữa 23

1.3. CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA TRONG MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRÊN THẾ GIỚI 26

1.3.1. Trong mô hình tố tụng tranh tụng 26

1.3.2. Trong mô hình tố tụng xét hỏi 29

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 33

Chương 2: QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG 35

2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA 35

2.1.1. Quyền của người bào chữa 35

2.1.2. Nghĩa vụ của người bào chữa	48
2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG.....	54
2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân	54
2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân	63
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	72
<i>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA</i>	<i>73</i>
3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÁC QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA.....	73
3.2. HOÀN THIỆN CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA	76
3.2.1. Hoàn thiện các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chế định người bào chữa	76
3.2.2. Hoàn thiện các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến chế định người bào chữa	89
3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHÁC	96
KẾT LUẬN	104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	105

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hiện nay, nước ta đang tiến hành công cuộc cải cách toàn diện về tư pháp hình sự theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị, trong đó trọng tâm là mở rộng hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử hình sự và mở rộng hơn nữa quyền của người bào chữa (NBC), người bị tạm giữ (NBTG), bị can, bị cáo. Đây là cơ sở vững chắc để nâng cao hiệu quả bảo đảm tính công bằng của pháp luật, tính dân chủ, công khai của quá trình giải quyết vụ án hình sự (VAHS) và bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp, quyền dân chủ cho con người, thể hiện nguyên tắc *“bảo đảm quyền bào chữa của NBTG, bị can, bị cáo”* đã được Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) ghi nhận, giúp cho việc giải quyết vụ án được chính xác, khách quan, hiệu quả, đúng pháp luật. Đây là một nguyên tắc không thể thiếu của pháp luật tố tụng hình sự (TTHS), trong đó chế định NBC là một chế định quan trọng trong việc thực hiện quyền bào chữa của NBTG, bị can, bị cáo.

Để thực hiện yêu cầu tranh tụng, một trong những biện pháp quan trọng là phải ghi nhận chế định NBC trong BLTTHS. Trong Hiến pháp, pháp luật của nước ta nói chung và TTHS nói riêng đã có các qui định thể chế hóa quyền, nghĩa vụ của NBC. Tuy nhiên, cho đến nay trong lý luận và thực tiễn TTHS vẫn chưa có khái niệm chính thức và thống nhất về chế định NBC. Đồng thời, những qui định của BLTTHS hiện hành chưa qui định đầy đủ về các chủ thể NBC, đối tượng bào chữa hoặc có qui định nhưng dường như lại ít được áp dụng trên thực tế, còn hạn chế một số quyền của NBC, một số qui định về NBC trong pháp luật TTHS còn nhiều vướng mắc, bất cập khi áp dụng, đòi hỏi khoa học Luật TTHS phải nghiên cứu, giải quyết làm sáng tỏ về mặt lý luận trong khi vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Do đó, cần thiết phải có hướng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Từ việc nghiên cứu các qui định của pháp luật TTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Qua phân tích, đánh giá một số công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến chế định NBC, đặc biệt qua thực tiễn công tác và với mong muốn góp phần nâng cao việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam về chế định NBC, tác giả đã lựa chọn và thực hiện nghiên cứu ở cấp độ Thạc sỹ với đề tài: ***“Chế định người bào chữa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam - Lý luận và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hải Dương”*** làm Luận văn nghiên cứu của mình là hết sức cần thiết và có ý nghĩa không những về lý luận mà còn là đòi hỏi của thực tiễn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Chế định NBC là chế định hết sức quan trọng và cần thiết trong TTHS. Bối xuất phát từ vị trí, vai trò và chức năng đặc biệt của NBC. Trong các công trình khoa học của các nhà nghiên cứu, nhà luật học,...đã có nhiều đề tài nghiên cứu về chế định này ở những mức độ, khía cạnh, phương diện khác nhau như: *“Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong TTHS”* của PGS.TS. Hoàng Thị Sơn; *“Bào chữa cho các nhóm dễ bị tổn thương theo Luật TTHS Việt Nam”* của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí; *“Địa vị pháp lý của Luật sư trong hoạt động tranh tụng”* và *“Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội”* của PGS.TS.LS. Phạm Hồng Hải; *“Vai trò của Luật sư trong tố tụng hình sự”* của TS. Nguyễn Văn Tuấn; *“Hành nghề Luật sư trong vụ án hình sự”* của TS.LS. Phan Trung Hoài; *“Về chế định người bào chữa”* của TS. Đinh Văn Quế; *“Mô hình TTHS Việt Nam đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”* của TS. Dương Thanh Biểu; *“Vấn đề tranh tụng trong hoạt động TTHS và việc thể chế hóa trong quá trình hoàn thiện BLTTHS Việt Nam”* của TS. Lê Hữu Thế; *“Mô hình TTHS Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* của PGS. TS Nguyễn Thái Phúc,...

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu chủ yếu đưa ra các nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, về vai trò của một chủ thể bào chữa đó là LS mà ít có các công trình khoa học nghiên cứu một cách sâu

sắc, toàn diện, thống nhất và hệ thống về khái niệm chế định NBC, chủ thể, đối tượng bào chữa, đặc biệt là chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu sâu về chế định Trợ giúp viên pháp lý với tư cách là một chủ thể bào chữa mặc dù chế định này đã được qui định trong Luật Trợ giúp pháp lý từ năm 2006.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây cho phép một lần nữa khẳng định việc nghiên cứu đề tài ***“Chế định người bào chữa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam - Lý luận và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hải Dương”*** là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn. Đây là một trong những vấn đề có nội dung phong phú và phức tạp cần tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc hơn nữa trong khoa học TTHS cũng như thực tiễn áp dụng ở nước ta hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của Luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu các qui định của pháp luật TTHS và các văn bản pháp luật có liên quan về chế định NBC. Để phục vụ mục đích này, đề tài nghiên cứu tập trung làm sáng tỏ những quan điểm khoa học, những qui định của pháp luật TTHS về chế định NBC.

- Tổng hợp số liệu thống kê trong hoạt động thực tiễn áp dụng chế định NBC trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đưa ra phân tích, đánh giá những điểm còn bất cập, hạn chế khi áp dụng chế định này trong thực tiễn.

- Đề xuất những giải pháp phù hợp và khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành về chế định NBC, góp phần nâng cao chất lượng bào chữa, đảm bảo thực hiện các nguyên tắc: *“Quyền bào chữa của bị can, bị cáo được bảo đảm”*; *“nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”* mà Hiến pháp 2013 và BLTTHS năm 2003 đã ghi nhận.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Đề tài nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung về chế định NBC như: khái niệm NBC và chế định NBC; chủ thể; đối tượng bào chữa; địa vị pháp lý NBC; chế định NBC trong một số mô hình TTHS trên thế giới.

- Tìm hiểu và đánh giá thực trạng áp dụng chế định NBC trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đồng thời phân tích làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của hạn chế đó.

- Đề tài nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chế định NBC trong luật TTHS Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trong thực tiễn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu chế định NBC trong Luật TTHS Việt Nam hiện hành và trong một số mô hình TTHS trên thế giới, kết hợp với việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng chế định này trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2013.

3.4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các quan điểm khoa học và những qui định của pháp luật TTHS Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến chế định NBC, những tư liệu thực tiễn của các CQTHTT, Đoàn LS, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Bên cạnh đó, những văn bản pháp luật của một số nước trên thế giới có liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu cũng được đề cập nhằm làm sáng tỏ chế định NBC.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của Luận văn: là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng của Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49, Hiến pháp năm 2013. Ngoài ra, Luận văn còn sử dụng, kế thừa các thành tựu khoa học của chuyên ngành pháp lý, luận điểm nghiên cứu của các nhà luật học, các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết chuyên ngành pháp lý được đăng trên các sách, báo, tạp chí, các trang báo điện tử về chế định NBC trong TTHS.

Cơ sở thực tiễn của Luận văn: dựa trên cơ sở nghiên cứu các qui định của pháp luật TTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan, các tư liệu thực tiễn của các CQTHTT, Đoàn LS, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong việc áp dụng chế định NBC.

Phương pháp nghiên cứu: Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử và để thực hiện tốt những nhiệm vụ đặt ra của đề tài, những phương pháp chung được áp dụng để nghiên cứu là: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, đối chiếu, diễn dịch, quy nạp, khảo sát thực tế,...

5. Những kết quả nghiên cứu mới của Luận văn

Đây là một trong những công trình khoa học ở cấp độ Thạc sỹ tiếp cận về chế định NBC trong pháp luật TTHS Việt Nam. Đề tài nghiên cứu có những đóng góp mới như sau:

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về chế định NBC trong Luật TTHS Việt Nam và trong một số mô hình TTHS trên thế giới. Từ đó, đưa ra khái niệm khoa học về chế định NBC.

- Luận văn khảo cứu các qui định pháp luật về chế định NBC, đánh giá thực trạng áp dụng các qui định đó trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Phân tích làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế khi áp dụng chế định này, nguyên nhân của thực trạng đó.

- Đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam về chế định NBC, đặc biệt là bổ sung thêm một số chủ thể, đối tượng bào chữa chưa được qui định trong BLTTHS nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

Về mặt lý luận: Luận văn có những đóng góp nhất định trên phương diện lý luận về chế định NBC.

Về mặt thực tiễn: Nội dung và kết quả nghiên cứu của Luận văn góp phần nâng cao chất lượng bào chữa, đảm bảo thực hiện nguyên tắc “Bảo

đảm quyền bào chữa của NBTG, bị can, bị cáo”. Ngoài ra, Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các sinh viên, học viên cao học thuộc chuyên ngành tư pháp hình sự tại các cơ sở đào tạo luật, những nhà hoạt động thực tiễn và những ai quan tâm đến vấn đề này. Đặc biệt, có thể là tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2003 và một số văn bản pháp luật khác có liên quan đến chế định NBC.

7. Bố cục của Luận văn

Bố cục của Luận văn được xây dựng phù hợp với mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Ngoài phần Mục lục, Danh mục các từ viết tắt, Danh mục các bảng, Mở đầu, Kết luận, Danh mục các tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 3 chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về chế định người bào chữa

Chương 2: Qui định của pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành về chế định NBC và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Hải Dương

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các qui định của pháp luật TTHS về chế định NBC

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA

1.1. NHỮNG NHẬN THỨC CƠ BẢN VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA

1.1.1 Khái niệm chế định người bào chữa

Chế định NBC có vị trí, vai trò quan trọng trong pháp luật và thực tiễn TTHS, nhưng đến nay, trong khoa học pháp lý và thực tiễn TTHS chưa có khái niệm thống nhất về chế định này, nên vẫn tồn tại nhiều cách hiểu và quan điểm khác nhau. Do đó, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lý luận đối với chế định này là hết sức cần thiết. Qua nghiên cứu một số quan điểm về khái niệm NBC, trên cơ sở các qui định của BLTTHS năm 2003 và thực tiễn áp dụng, tác giả đưa ra khái niệm khoa học về NBC và chế định NBC trong Luật TTHS như sau:

“NBC trong Luật TTHS là người đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện do pháp luật qui định, được CQTHTT cấp giấy chứng nhận, tham gia tố tụng theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức để chứng minh sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ TNHS của người bị bắt, NBTG, bị can, bị cáo, người bị kết án và giúp đỡ các chủ thể đó về mặt pháp lý trong các vụ án hình sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ”.

“Chế định NBC trong luật TTHS Việt Nam là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh nhóm các quan hệ xã hội liên quan tới NBC, trong đó có chủ thể bào chữa, đối tượng bào chữa, quyền và nghĩa vụ của NBC”

1.1.2. Chủ thể bào chữa

Tác giả nêu và phân tích các chủ thể bào chữa theo qui định của pháp luật TTHS. Chủ thể bào chữa bao gồm:

- Chủ thể bào chữa là người bào chữa đó là: Luật sư; Người đại diện hợp pháp của NBTG, bị can, bị cáo; Bào chữa viên nhân dân; Trợ giúp viên pháp lý;

- Bên cạnh các chủ thể nêu trên theo qui định của pháp luật TTHS, chủ thể bào chữa còn bao gồm: Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vì họ có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, họ là chủ thể bào chữa khi họ tự bào chữa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

1.1.3. Đối tượng bào chữa

Theo qui định của BLTTHS hiện hành thì đối tượng bào chữa bao gồm: NBTG, bị can, bị cáo. Những đối tượng này vừa là chủ thể bào chữa vừa là đối tượng bào chữa. Là chủ thể bào chữa khi họ tự bào chữa trước các CQTHTT, là đối tượng bào chữa khi họ nhờ người khác bào chữa.

1.2. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA NGƯỜI BÀO CHỮA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.2.1. Vị trí của người bào chữa

Để làm rõ vị trí của NBC trong TTHS, tác giả đưa ra một số quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu, trên cơ sở đó phân tích mối quan hệ giữa NBC với các CQTHTT, người THTT, với đối tượng bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

1.2.2. Vai trò của người bào chữa

Sự hiện diện của NBC trong quá trình tố tụng giúp cơ quan, người THTT phát hiện, sửa chữa những thiếu sót, làm rõ sự thật khách quan, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, góp phần thực hiện dân chủ là bảo vệ quyền con người, quyền công dân, công bằng bởi trong TTHS nếu chỉ ghi nhận chức năng buộc tội mà không có chức năng gỡ tội thì sẽ không có sự kìm chế và đối trọng với bên buộc tội nên dễ dẫn đến chủ quan duy ý chí, sai lầm trong quá trình giải quyết vụ án. Từ đó, sẽ làm oan người vô tội, không làm sáng tỏ được sự thật khách quan của vụ án, vi phạm nguyên tắc cơ bản đã được Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2003 ghi nhận, đó là nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của NBTG, bị can, bị cáo, nguyên tắc tranh tụng.

1.3. CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA TRONG MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRÊN THẾ GIỚI

1.3.1. Trong mô hình tố tụng tranh tụng

Tác giả nêu khái quát một số đặc điểm của mô hình tố tụng tranh tụng như: Trong mô hình này, địa vị pháp lý của NBC được đề cao và bình đẳng với bên buộc tội. Khi kiện tụng các bên phải đưa ra chứng cứ, lý lẽ và tranh luận với nhau, TA chỉ đóng vai trò là “trọng tài” quan sát sự tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Thẩm phán sẽ ra phán quyết trên cơ sở chứng cứ và lý lẽ mà các bên đưa ra tại phiên tòa. Bên cạnh những ưu điểm, mô hình tố tụng tranh tụng còn tồn tại một số nhược điểm như: chi phí thuê NBC tốn kém; dễ để lọt tội phạm, bởi nếu Công tố viên đưa ra chứng cứ, lý lẽ không thuyết phục, TA sẽ không buộc tội mặc dù trên thực tế bị cáo đã thực hiện tội phạm; thời gian xét xử thường kéo dài vì việc xem xét, đánh giá chứng cứ chủ yếu diễn ra tại phiên tòa; chi phí mở phiên tòa tốn kém; vai trò của CQTHTT không được đề cao bởi pháp luật ghi nhận quyền bình đẳng cho người tham gia tố tụng. Để làm rõ những đặc trưng của mô hình tố tụng này, tác giả đã phân tích một số qui định của Luật tố tụng hình sự Mỹ để minh chứng.

1.3.2. Trong mô hình tố tụng xét hỏi

Trong mô hình tố tụng xét hỏi, tác giả cũng nêu khái quát đặc điểm của loại mô hình tố tụng này đó là: Đề cao vai trò chủ động của Thẩm phán. Phiên tòa theo mô hình tố tụng xét hỏi không phải là sự tranh luận dân chủ giữa bên buộc tội và bên gỡ tội mà thực chất vẫn là sự tiếp tục điều tra, thẩm định, đánh giá, tìm chứng cứ, làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Vai trò của NBC không được đề cao mà rất mờ nhạt, thụ động và không bình đẳng với CQHTT. Mô hình này cũng qui định tranh luận tại phiên tòa nhưng không thực sự dân chủ và bình đẳng như mô hình tố tụng tranh tụng, quyền của NBC thường không được tôn trọng đầy đủ vì họ không có trách nhiệm chứng minh, trách nhiệm chứng minh thuộc về CQHTT mà chủ yếu là Thẩm phán, bởi chứng cứ do Thẩm phán tập hợp, đánh giá. Phiên tòa ở mô hình xét hỏi không kéo dài bằng ở mô hình tố tụng tranh tụng nhưng các giai đoạn tố tụng và thủ tục tố tụng lại dài hơn vì có thêm giai đoạn điều tra. Tác giả khái quát đặc trưng của loại mô hình tố tụng này thông qua việc phân tích một số nội dung của BLTTHS Trung Quốc liên quan đến chế định NBC.

Chương 2

QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA

2.1.1. Quyền của người bào chữa

Ở phần này tác giả nêu và phân tích các quyền của NBC được qui định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Các quyền đó là:

- Quyền có mặt khi lấy lời khai của NBTG, khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi NBTG, bị can và có mặt trong

những hoạt động điều tra khác; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa (điểm a khoản 2 Điều 58).

- Quyền được đề nghị CQĐT báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can (điểm b khoản 2 Điều 58).

- Quyền được đề nghị thay đổi người THPT, người giám định, người phiên dịch (điểm c khoản 2 Điều 58).

- Quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ NBTG, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của NBTG, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật Nhà nước, bí mật công tác (điểm d khoản 2 Điều 58).

- Quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu (điểm đ khoản 2 Điều 58).

- Quyền gặp NBTG; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam (điểm e khoản 2 Điều 58).

- Quyền đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra theo qui định pháp luật (điểm g khoản 2 Điều 58).

- Quyền tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa (điểm h khoản 2 Điều 58).

- Quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (điểm i khoản 2 Điều 58).

- Quyền kháng cáo bản án, quyết định của TA nếu bị cáo là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất qui định tại điểm b khoản 2 Điều 57 của BLTTHS (điểm k khoản 2 Điều 58).

- Quyền bình đẳng với Kiểm sát viên trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước TA. TA có trách nhiệm tạo điều kiện cho NBC thực hiện các quyền đó nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án (Điều 19 BLTTHS 2003).

2.1.2. Nghĩa vụ của người bào chữa

Giống như mục 2.1.1 nêu trên, trong phần này tác giả cũng nêu và

phân tích nghĩa vụ của NBC được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 bao gồm:

- Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định NBTG, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo. Tùy theo mỗi giai đoạn tố tụng, khi thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, thì NBC có trách nhiệm giao cho CQĐT, VKS, TA. Việc giao nhận các tài liệu, đồ vật đó giữa NBC và CQTHTT phải được lập biên bản theo quy định tại Điều 95 BLTTHS (điểm a khoản 3 Điều 58).

- Giúp NBTG, bị can, bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ (điểm b khoản 3 Điều 58).

- Không được từ chối bào chữa cho NBTG, bị can, bị cáo mà mình đã đảm nhận nếu không có lý do chính đáng (điểm c khoản 3 Điều 58).

- Tôn trọng sự thật và pháp luật; không được mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật (điểm d khoản 3 Điều 58).

- Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án (điểm đ khoản 3 Điều 58).

- Không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện việc bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân (điểm e khoản 3 Điều 58).

2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG

2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

**** Những kết quả đạt được***

Qua khảo cứu thực tiễn áp dụng chế định NBC tại tỉnh Hải Dương và bằng việc thống kê các số liệu thực tế, tác giả nêu khái quát một số kết quả đạt được như sau:

- Ở Hải Dương, từ khi thành lập đến nay, đặc biệt từ khi BLTTHS năm 2003 và Luật LS năm 2006 được ban hành, số lượng LS ở Hải Dương

tăng lên đáng kể, chất lượng cũng từng bước được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi công việc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NBTG, bị can, bị. Số lượng LS thể hiện qua bảng tổng hợp 2.1.

Sau khi Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 được ban hành, ngoài LS còn có Trợ giúp viên pháp lý, số lượng và chất lượng cũng ngày một tăng, các Trợ giúp viên pháp lý được đào tạo bài bản, có năng lực, trình độ, kiến thức pháp lý, được đào tạo qua lớp nghiệp vụ LS và lớp bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý, tâm huyết và trách nhiệm với nghề.

- Hoạt động bào chữa của NBC đã có những bước chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng. NBC cũng tham gia nhiều hơn trong các phiên tòa xét xử, số lượng vụ án có NBC tham gia ngày càng tăng, khiến giảm bớt các vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Số liệu vụ án có LS tham gia thể hiện qua bảng tổng hợp 2.2.

- Những vụ án BLTTHS qui định bắt buộc phải có NBC tham gia được tiến hành theo đúng qui định pháp luật. Mối quan hệ giữa NBC với các cơ quan, người THTT được thiết lập ngày càng chặt chẽ. Phần lớn các cơ quan, người THTT tạo điều kiện thuận lợi cho NBC thực hiện quyền, nghĩa vụ.

- Sự tham gia của NBC từng bước thể hiện vị trí, vai trò trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NBTG, bị can, bị cáo, nâng cao hiệu quả hoạt động bào chữa. Không ít vụ án, trên cơ sở ý kiến của NBC trước hoặc trong phiên tòa xét xử, HĐXX đã áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên. Điều đó được minh chứng thông qua một số vụ án cụ thể do NBC thực hiện.

- Nhiều ý kiến băn khoăn, vướng mắc của NBC qua quá trình thực tiễn nghiên cứu hồ sơ và qua hoạt động bào chữa đã góp phần quan trọng thúc đẩy việc sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật TTHS và các văn bản khác có liên quan.

**** Nguyên nhân của những kết quả đạt được***

Thứ nhất, do thành tựu về mặt lập pháp: Các nghị quyết của Đảng và

một số văn bản có liên quan đến chế định NBC đã đề cao vai trò của NBC trong việc bảo đảm dân chủ và pháp chế trong hoạt động TTHS nói chung và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho NBTG, bị can, bị cáo nói riêng, là cơ sở pháp lý mở rộng chủ thể bào chữa với những nền tảng pháp lý vững chắc. NBC đã có cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đối tượng bào chữa.

Thứ hai, do tinh thần cải cách tư pháp đã tác động tích cực, mạnh mẽ đến cơ quan, người THTT trên địa bàn tỉnh nên vị trí, vai trò của NBC được đề cao, mối quan hệ giữa NBC với các cơ quan, người THTT được thiết lập chặt chẽ hơn, hoạt động tranh tụng tại Tòa được đẩy mạnh. Các cơ quan, người THTT thực hiện đúng qui định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NBC thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Thứ ba, đội ngũ NBC đặc biệt là LS, Trợ giúp viên pháp lý trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, phần lớn đều có kiến thức pháp lý và kinh nghiệm tố tụng, có phẩm chất, năng lực, trình độ, tâm huyết, có trách nhiệm với nghề, luôn nêu cao đạo đức nghề nghiệp,...

Thứ tư, do ý thức pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh ngày càng nâng cao, công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân được chú trọng.

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

*** Những hạn chế**

- Tỷ lệ LS so với số dân còn thấp hơn nhiều so với cả nước và phát triển mất cân đối giữa khu vực thành thị và nông thôn, miền núi và đồng bằng.

- Số vụ án có NBC tham gia còn thấp so với số vụ án phải giải quyết của các CQTHTT (Bảng 2.3). LS tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo chủ yếu là do chỉ định, số vụ án do khách hàng mời còn hạn chế, có sự chênh lệch khá lớn giữa tỷ lệ LS tham gia án chỉ định và án do khách hàng mời (Bảng 2.2).

- Số lượng Trợ giúp viên pháp lý quá ít so với số lượng vụ việc ngày càng tăng. Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng còn gặp khó khăn về thủ

tục hành chính. Vị trí của Trợ giúp viên pháp lý có phần yếu thế hơn LS - Cộng tác viên đều do Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước cử. Đối với những vụ án có NBTG, bị can, bị cáo là người được trợ giúp pháp lý, CQTHTT chủ yếu giới thiệu, yêu cầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước cử NBC cho bị can, bị cáo là người chưa thành niên, chưa chú trọng giới thiệu diện người được trợ giúp pháp lý là người nghèo, người có công với cách mạng, người khuyết tật,... (Bảng 2.4)

- Vẫn có tình trạng chưa coi trọng quan điểm, ý kiến của NBC đặc biệt là trong trường hợp được chỉ định tham gia tố tụng. Một số bản án, quyết định tố tụng ghi chưa đúng tư cách pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý, LS Cộng tác viên khi tham gia tố tụng; chưa ghi việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và quan điểm, luận cứ bào chữa của NBC. Hầu hết CQTHTT chỉ quan tâm đến những chứng cứ buộc tội, còn chứng cứ gỡ tội ít được xem xét.

- Đối với NBC là người đại diện hợp pháp của NBTG, bị can, bị cáo tham gia bào chữa chiếm tỷ lệ ít, chỉ mang tính hình thức, đạt hiệu quả không cao, họ tham gia cho đủ thủ tục nhằm tránh sự vi phạm thủ tục tố tụng của CQTHTT đặc biệt là CQĐT.

- Vẫn còn số ít NBC thực hiện nhiệm vụ của mình một cách qua loa, đại khái nhất là đối với những vụ án chỉ định. Ngoài ra, kỹ năng tranh tụng tại Tòa của NBC còn chưa được nâng cao.

- Các CQTHTT chưa thực sự tạo điều kiện cho NBC thực hiện một số quyền theo qui định của luật như: quyền sao chụp tài liệu, quyền tham gia tranh luận tại Tòa.

**** Nguyên nhân của những hạn chế***

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan xuất phát từ qui định pháp luật về chế định NBC còn chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, chưa cụ thể, rõ ràng, nên thực tiễn áp dụng phát sinh nhiều bất cập, vướng mắc, gây khó khăn, lúng túng cho CQTHTT và NBC nên họ đã tùy nghi áp dụng.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan xuất phát từ phía cơ quan, người

THTT có cái nhìn sai lệch, thiếu thiện chí về NBC, chưa thực sự coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho NBC thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật, gây khó khăn cho NBC trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đối tượng bào chữa.

Thứ ba, do trình độ nhận thức pháp luật của người dân còn hạn chế, đặc biệt nhận thức chưa đầy đủ về NBC vì cho rằng NBC không phải là người thực hiện quyền lực nhà nước nên không thể quyết định được số phận pháp lý của họ. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền pháp luật chưa thực sự được chú trọng nên nhiều trường hợp NBTG, bị can, bị cáo đặc biệt là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí không biết đề mời NBC bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Thứ tư, số lượng NBC trên địa bàn tỉnh so với số dân còn thấp, kỹ năng hành nghề của NBC chưa cao do có một số NBC trước đây từng công tác tại các CQTHTT, khi nghỉ hưu tham gia LS, được miễn đào tạo nghiệp vụ LS, số ít NBC đặc biệt là LS có tâm lý “làm cho vui” nên không chuyên tâm trau dồi kỹ năng nghiệp vụ.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÁC QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA

Tác giả nêu khái quát một số kết quả đạt được qua hơn 10 năm thi hành BLTTHS năm 2003 về chế định NBC, những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở nghiên cứu các qui định pháp luật hiện hành về chế định NBC và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Hải Dương, tác giả cho rằng việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2003 trong đó có những vấn đề liên quan đến chế định NBC là công việc có tính

cấp bách nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật, giải quyết một số bất cập do thực tiễn đặt ra, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp đang diễn ra ở nước ta.

3.2. HOÀN THIỆN CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỊNH NGƯỜI BẢO CHỮA

3.2.1. Hoàn thiện các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chế định người bảo chữa

Dựa trên sự cần thiết phải hoàn thiện các qui định của BLTTHS năm 2003 được nêu ở mục 3.1, những khó khăn, bất cập đã được phân tích tại các mục của Chương 1, Chương 2 của Luận văn và qua thực tiễn áp dụng chế định NBC trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tác giả đưa ra một số ý kiến hoàn thiện các qui định của BLTTHS năm 2003 liên quan đến chế định NBC như sau:

- *BLTTHS nên xây dựng một chương riêng qui định về bảo chữa*, bởi BLTTHS hiện hành chỉ có một số quy định liên quan đến chế định NBC đặt trong nhiều điều, nhiều chương khác nhau, vừa không đầy đủ, vừa khó áp dụng. Mặt khác cũng đảm bảo tính khoa học và hợp lý.

- *Về chủ thể bảo chữa theo qui định tại khoản 1 Điều 56*: Nên bỏ chủ thể bảo chữa là “*bảo chữa viên nhân dân*” được qui định tại điểm c khoản 1 Điều 56, thay vào đó là “*Trợ giúp viên pháp lý*”, theo đó bỏ khoản 3 Điều 57. Bên cạnh đó, cần qui định cụ thể người đại diện hợp pháp của NBTG, bị can, bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 là những đối tượng nào, tiêu chuẩn, điều kiện trở thành NBC nhằm tạo điều kiện cho qui định đó được thi hành trong thực tiễn.

- *Về đối tượng bảo chữa*: BLTTHS nên bổ sung *người bị bắt* cũng là đối tượng bảo chữa cho phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Bên cạnh đó, BLTTHS nên mở rộng phạm vi đối tượng bảo chữa bao gồm *người bị kết án*. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 57 cần qui định mở rộng đối tượng được bảo chữa do chỉ định bao gồm bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức án cao nhất là hai mươi năm tù, tù chung thân hoặc tử hình được qui

định tại Bộ luật hình sự (thay vì chỉ áp dụng đối với tội có khung hình phạt tử hình như qui định hiện hành); mở rộng thêm trường hợp bắt buộc phải có NBC đó là những người thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo qui định của pháp luật về trợ giúp pháp lý bởi đây là những đối tượng được Đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm.

- *Về Giấy chứng nhận NBC*: Tại Khoản 4 Điều 56 BLTTHS cần qui định cụ thể các giấy tờ liên quan đến thủ tục cấp Giấy chứng nhận NBC bao gồm những loại giấy tờ nào.

- *Về những trường hợp bắt buộc phải có NBC*: Đối với khoản 2 Điều 57 BLTTHS hiện hành qui định những trường hợp bắt buộc phải có NBC thì không nên qui định bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ “*vẫn có quyền thay đổi hoặc từ chối NBC*” mà coi đây là trường hợp bắt buộc phải có NBC, vì ngoài việc bào chữa cho thân chủ ra thì NBC phải có trách nhiệm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, cũng như tránh việc từ chối NBC trong các giai đoạn tiền tố tụng.

Tại khoản 2 Điều 57 bổ sung thêm cụm từ “*hoặc tổ chức trợ giúp pháp lý*” sau cụm từ “*Đoàn LS phân công văn phòng LS*” nhằm bảo đảm quyền có NBC của người được trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, cần qui định rõ thời hạn cử NBC của Đoàn LS, tổ chức trợ giúp pháp lý và thời hạn yêu cầu cử NBC của CQTHTT đối với Đoàn LS, tổ chức trợ giúp pháp lý nhằm bảo đảm thời hạn điều tra, truy tố, xét xử và bảo đảm hoạt động bào chữa (nghiên cứu hồ sơ, gặp bị can, bị cáo,...) của NBC

- *Về thời điểm tham gia tố tụng của NBC*: nên chuyển khoản 1 Điều 58 BLTTHS thành một điểm thuộc khoản 2 Điều 58 BLTTHS và qui định đó là quyền của NBC chứ không chỉ là thời điểm tham gia tố tụng của NBC. Vì nếu không ghi nhận nó là quyền thì sẽ hạn chế quyền tham gia bào chữa của NBC, quyền được bào chữa của NBTG, bị can.

- *Bổ sung thêm quyền của NBC khi tham gia tố tụng*: qui định NBC được quyền hỏi NBTG, bị can, bị cáo chứ không nên qui định “*nếu Điều tra*

viên đồng ý" như điểm a khoản 2 Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 58 nên sửa là *"được CQĐT báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can"* chứ không nên dùng thuật ngữ *"đề nghị"* như hiện nay, nếu qui định là *"đề nghị"* thì có thể được chấp thuận hoặc không chấp thuận. Nên qui định NBC được tham gia từ khi có quyết định tạm giữ đối với mọi trường hợp chứ không chỉ là trường hợp qui định tại Điều 81 và Điều 82 của BLTTHS. Do đó, sửa đổi khoản 1 Điều 58 BLTTHS như sau: *"NBC được tham gia từ khi có quyết định tạm giữ đối với mọi trường hợp, trừ trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng VKS quyết định để NBC tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra"*.

- *Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 58* về việc NBC gặp bị can, bị cáo khác trong vụ án có đồng phạm và bị can, bị cáo bị tạm giam sau khi xét xử sơ thẩm vì BLTTHS hiện hành không qui định cho NBC được gặp các bị can, bị cáo khác trong vụ án có đồng phạm nên việc thu thập chứng cứ cũng gặp khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động bào chữa. Mặt khác, cần sửa đổi điểm e khoản 2 Điều 58 về việc gặp riêng NBTG, bị can, bị cáo. Do đó, điểm e khoản 2 Điều 58 sửa đổi như sau: *"NBC có quyền gặp riêng NBTG, bị can, bị cáo trong Nhà tạm giữ hoặc Trại tạm giam. NBC có quyền gặp NBTG, bị can, bị cáo là đồng phạm trong vụ án"*.

- *Bổ sung quyền thu thập chứng cứ của NBC* vì quyền thu thập chứng cứ chưa được qui định trực tiếp trong chương V – BLTTHS mà chỉ qui định gián tiếp tại Điều 58 về quyền và nghĩa vụ của NBC; Cần mở rộng phạm vi thu thập chứng cứ của NBC vì hiện nay phạm vi thu thập chứng cứ của NBC mới chỉ dừng lại ở *"tài liệu, đồ vật"*. Bộ luật cần qui định cho phép NBC được độc lập thu thập chứng cứ thông qua việc lấy lời khai của bị can, bị cáo, người làm chứng; qui định chế tài áp dụng trong những trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp các thông tin có liên quan đến vụ án cho NBC. Lời khai của NBTG, bị can, bị cáo được coi là chứng cứ nếu họ yêu cầu phải có mặt của NBC. Như vậy, họ có quyền im lặng nếu yêu cầu có NBC không được thực hiện; Theo đó, qui định

nghĩa vụ của CQTHTT trong việc tiếp nhận chứng cứ do NBC cung cấp; Bổ sung qui định NBC có quyền được nhận thông báo về việc trưng cầu giám định và kết quả giám định.

3.2.2. Hoàn thiện các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến chế định người bào chữa

- Hoàn thiện một số qui định của pháp luật TTHS, pháp luật về LS và trợ giúp pháp lý, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc đổi mới và phát triển chế định NBC phù hợp với chủ trương và lộ trình cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị.

- Xây dựng và hoàn thiện mô hình TTHS ở nước ta theo hướng tiếp tục duy trì những ưu điểm của mô hình tố tụng thẩm vấn hiện hành, tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng trên thế giới phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nếu đổi mới theo hướng tranh tụng thì chúng ta cần xem xét những vấn đề sau:

Thứ nhất, cần ghi nhận nguyên tắc tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của BLTTHS cho phù hợp với Hiến pháp 2013. Khi ghi nhận nguyên tắc này cần xác định rõ chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử. Theo đó, phải sửa đổi một số qui định trong BLTTHS như: bỏ qui định trách nhiệm chứng minh tội phạm của TA (Điều 10), bỏ qui định HĐXX có quyền khởi tố vụ án (đoạn 3 khoản 1 Điều 104), thay đổi về trình tự xét hỏi (Điều 207), tiếp tục xét xử khi VKS đã rút quyết định truy tố (Điều 195), xử vượt quá giới hạn truy tố (Điều 196).

Mặt khác, khi ghi nhận nguyên tắc tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của BLTTHS cần nêu rõ khái niệm “tranh tụng” là gì? Tác giả đưa ra ý kiến về khái niệm tranh tụng như sau: *“Tranh tụng trong TTHS là sự tranh luận của bên buộc tội và bên bào chữa, dựa trên những chứng cứ được đưa ra trước phiên tòa do các bên thu thập theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, là cơ sở để Tòa án ra phán quyết có hiệu lực thi hành, nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của con người”*.

Thứ hai, nên qui định sự tham gia của NBC tại phiên tòa là nghĩa vụ

bắt buộc nhằm tránh tình trạng vắng mặt NBC tại phiên tòa với bài bào chữa gửi trước. Theo đó, điều 190 BLTTHS sửa đổi như sau: “NBC có nghĩa vụ tham gia phiên tòa. Nếu NBC vắng mặt thì HĐXX phải hoãn phiên tòa”.

Thứ ba, khẳng định nghĩa vụ của các CQTHTT phải tạo mọi điều kiện tốt nhất để thực hiện việc tranh tụng. Bản án của TA chỉ dựa trên cơ sở kết quả tranh tụng giữa các bên;

Thứ tư, cần qui định chế tài buộc Kiểm sát viên phải tranh luận với NBC, trường hợp không tham gia tranh luận không đối đáp lại được lập luận của bên đối tụng chính là sự thừa nhận, đồng tình với lập luận của họ;

- *Về sự tham gia của NBC ở phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm*: Tại Điều 280 BLTTHS hiện hành qui định: NBC chỉ được triệu tập tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm khi TA xét thấy cần thiết. Quy định này làm mất đi quyền bào chữa của người bị kết án tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm. Do đó Điều 280 cần sửa đổi như sau: “TA phải triệu tập người bị kết án, NBC và có thể triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm”.

- *Qui định về trách nhiệm của các cơ quan, người THTT*: Bổ sung vào khoản 3 Điều 224 về trách nhiệm của TA trong việc ghi nhận quan điểm, kết quả của NBC vào trong bản án.

- *Bổ sung quy định trách nhiệm của CQTHTT trong việc giao các quyết định tố tụng cho NBC*, cụ thể là: quyết định khởi tố vụ án; khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, quyết định gia hạn thời hạn điều tra vụ án, gia hạn thời hạn tạm giữ, tạm giam (nếu có); kết luận điều tra; cáo trạng; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án; bản sao bản án, thông báo về việc kháng nghị, quyết định kháng nghị; quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm (nếu có).

- *BLTTHS cần bổ sung quy định về chế tài bảo vệ NBC* trong các trường hợp bị cản trở tham gia hoạt động bào chữa hoặc bị xâm hại sức

khỏe, danh dự, nhân phẩm.

- *Sửa đổi Điều 207 BLTTHS về trình tự xét hỏi* theo hướng tập trung vào hoạt động tranh tụng giữa bên bào chữa và bên buộc tội. Việc xét hỏi tại phiên tòa chủ yếu do VKS giữ quyền công tố tại phiên tòa và NBC xét hỏi, Kiểm sát viên hỏi về các tình tiết chứng minh việc buộc tội, NBC hỏi về các tình tiết gỡ tội, còn HĐXX chỉ hỏi khi thấy cần thiết để kiểm tra chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội.

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHÁC

Một là, nâng cao năng lực nhận thức của cơ quan, người THTT. Để nâng cao kiến thức chuyên môn và nhận thức của đội ngũ THTT, phải tập trung một số vấn đề sau: Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn cho những người THTT; Thay đổi nhận thức chưa đúng đắn của những người THTT về vai trò, vị trí của NBC trong TTHS; Trang bị đầy đủ phương tiện, kinh phí phục vụ công tác cho những người THTT; Cần đổi mới mối quan hệ giữa NBC với cơ quan THTT.

Hai là, nâng cao ý thức pháp luật cho người dân và tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích pháp luật để người dân nắm vững vị trí, vai trò của NBC.

Ba là, nâng cao chất lượng NBC, mở rộng số lượng NBC.

Bốn là, nên đổi mới vị trí chỗ ngồi của người THTT và NBC nhằm tạo sự bình đẳng về vị trí của NBC.

KẾT LUẬN

Từ sự nghiên cứu về chế định NBC trong luật TTHS Việt Nam và qua đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, với khả năng nghiên cứu còn hạn chế và giới hạn cho phép của Luận văn, tác giả đã đạt được một số kết quả khiêm tốn sau:

Thứ nhất, bằng việc nêu và phân tích một số quan điểm khác nhau về NBC, tác giả khái quát một số đặc điểm của NBC. Từ đó, đưa ra khái niệm đầy đủ về NBC và chế định NBC trong TTHS. Phân tích các qui định của

pháp luật TTHS về chủ thể bào chữa, đối tượng bào chữa, địa vị pháp lý của NBC, quyền và nghĩa vụ của NBC,...Chủ thể bào chữa trong pháp luật TTHS không chỉ bao gồm các chủ thể được qui định trong BLTTHS năm 2003 (LS, BCVND, người đại diện hợp pháp của NBTG, bị can, bị cáo) mà còn bao gồm chủ thể bào chữa mới là Trợ giúp viên pháp lý được qui định trong Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006. Đối tượng bào chữa không chỉ bao gồm NBTG, bị can, bị cáo theo luật mà còn bổ sung thêm người bị bắt, người bị kết án.

Thứ hai, bằng việc khảo sát và qua những con số thống kê cụ thể, tác giả phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng chế định NBC tại địa bàn tỉnh Hải Dương, làm rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế khi áp dụng chế định này, nguyên nhân của những kết quả đạt được và hạn chế đó. Mặt khác, tác giả cũng phân tích một cách khái quát mô hình TTHS của một số nước trên thế giới trong việc áp dụng chế định NBC nhằm thấy được những ưu, nhược điểm của các mô hình tổ tụng này qua đó hiểu rõ hơn về mô hình TTHS của Việt Nam.

Thứ ba, từ hiệu quả của việc áp dụng chế định NBC và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn, Luận văn đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng các qui định của pháp luật TTHS về chế định NBC trong thực tiễn.